TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 07-3 -2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn;

2. Bà Tạ Thị Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2017/TLST - KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: **Ông Phan Đức T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Vũ Văn T** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Tam Điệp.

(Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ)

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Xuân D** - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Kim Sơn, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Tam Điệp.

(Theo Văn bản ủy quyền lại ngày 03/8/2017 về việc ủy quyền tham gia tố tụng)

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm Ph, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân D có mặt, anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/06/2016, trên cơ sở đề nghị được vay vốn của vợ chồng anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H và tài sản thế chấp của chính bên vay, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Tam Điệp đã ủy quyền cho Phòng giao dịch Kim Sơn theo văn bản ủy quyền số 0059/QĐ-QLRR ngày 02/01/2014 ký kết Hợp đồng tín dụng số 0429/16/7949451/HĐTD với anh T, chị H có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho anh T, chị H vay với số tiền là 250.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng*); mục đích vay là sản xuất và chế biến đồ dùng gia đình bằng gỗ; thời hạn vay 08 tháng; lãi suất: 11%/năm, trả lãi hàng tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của vợ chồng anh T, chị H. Ngày 06/6/2016 bị đơn đã nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, vợ chồng anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H đã đồng ý thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40336/15/7949451/HĐBĐ ký kết ngày 12/10/2015, trong đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng 599,5 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là: nhà cấp 4, tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 016540 do UBND huyện K cấp ngày 18/04/2014 mang tên anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H. Tài sản được định giá tại thời điểm cho vay là 350.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp trên có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm và làm các thủ tục đầy đủ theo quy định của pháp luật và của ngân hàng.

Quá trình kiểm tra sử dụng vốn vay cho thấy anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh của vợ chồng anh T, chị H gặp nhiều khó khăn dẫn đến kinh doanh thua lỗ, không trả được gốc, lãi cho Ngân hàng.

Do anh T, chị H không trả gốc và lãi vay nên đến ngày 07/02/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc vợ chồng anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H thực hiện trách nhiệm

trả nợ nhưng đến nay anh T, chị H vẫn không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T và chị H phải thanh toán số tiền gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 43.958.334 đồng (Trong đó tính lãi trong hạn từ ngày 26/12/2016 đến 07/03/2018(436 ngày): 250.000.000đồng x 10% x 436/360 = 30.277.778 đồng. Lãi quá hạn tính từ ngày 07/02/2017 đến hết ngày 07/03/2018(394 ngày): 50% x 250.000.000đồng x 10% x 394/360 = 13.680.556 đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 293.958.334 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng yêu cầu anh T và chị H có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng anh T, chị H không đến làm việc và cũng không có quan điểm, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc nhận ủy quyền lại, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 262, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 326, 463, 464, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai; đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ngày 09/10/2017 của Ngân hàng TMCP Đ; buộc anh T, chị H phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền: 293.958.334 đồng, trong đó: Nợ gốc là : 250.000.000 đồng, nợ lãi là 43.958.334 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 30.277.778 đồng; lãi quá hạn: 13.680.556 đồng). Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016: Buộc anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H phải nộp 14.697.916 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản thể hiện anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại xóm Ph, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn

thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 08/02/2018 anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 07/3/2018 anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trên cơ sở hợp đồng thế chấp bất động sản số 40336/15/7949451/HĐBĐ ngày 12/10/2015 và đề nghị được vay vốn của vợ chồng anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H, Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 40429/16/7949451/HĐTD ngày 06/6/2016 với anh Th, chị H với số tiền cho vay là 250.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên đảm bảo đúng quy định của pháp luật và anh T, chị H đã nhận được khoản tiền vay theo hợp đồng được thể hiện bằng bảng kê rút vốn được lập ngày 06/6/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T và chị H đã trả lãi cho đến hết ngày 25/12/2016 sau đó không thực hiện nghĩa vụ nữa. Khi hết hạn hợp đồng anh T, chị H không trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận. Đối với việc bị đơn vay tiền của Ngân hàng tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực, nhưng giao dịch dân sự nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688, các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Về lãi suất:

Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của anh T, chị H là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng số 40429/16/7949451/HĐTD ngày 06/6/2016 và theo khoản 2

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 07/3/2018 là 43.958.334 đồng (Trong đó tính lãi trong hạn từ ngày 26/12/2016 đến 07/3/2018 (436 ngày): 250.000.000đồng x 10% x 436/360 = 30.277.778 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 06/02/2017 đến 07/03/2018 (394 ngày): 50% x 250.000.000đồng x 10% x 394/360 = 13.680.556 đồng). Kể từ ngày 08/3/2018, anh T, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 40429/16/7949451/HĐTD ngày 06/6/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40336/15/7949451/HĐBĐ ký kết ngày 12/10/2015 giữa anh T, chị H với Ngân hàng đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo hợp pháp. Các tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H bảo đảm cho khoản vay của anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H tại Ngân hàng, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của anh T, chị H đối với Ngân hàng nên các hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với thỏa thuận của các đương sự được thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như trong hợp đồng tín dụng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể: 250.000.000đ tiền gốc + 43.958.334 đồng tiền lãi = 293.958.334 đồng x 5% = 14.697.916 đồng, làm tròn 14.697.000 đồng.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 325, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền tính đến ngày 07/3/2018 là 293.958.334 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng); trong đó, nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 30.277.778 đồng (ba mươi triệu hai trăm bẩy mươi bẩy nghìn bẩy trăm bẩy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 13.680.556 đồng (Mười ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 08/3/2018 anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Trường hợp anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đthì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể các tài sản sau:

- Quyền sử dụng 599,5 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là: nhà cấp 4, tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 016540 do UBND huyện K cấp ngày 18/04/2014 mang tên anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40336/15/7949451/HĐBĐ ngày 12/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị H).

2.Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 6.961.000đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001214 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

- Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H phải nộp 14.697.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Án xử công khai sơ thẩm Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Tú